

Học sinh hoàn thành bài kiểm tra 15 phút, ghi kết quả gửi lại cho giáo viên trước khi bắt đầu bài học của tuần 4 nhé. (Tuần sau gửi kết quả bài kiểm tra cho giáo viên giao bài)

Name:

Class:

KIỂM TRA 15 PHÚT

(Học sinh làm bài xong gửi đề lại cho giáo viên chấm điểm)

Khoanh tròn đáp án đúng cho các câu sau:

1. This city is famous _____ beautiful houses and museums.
a. of b. for c. in d. to
2. There are many beautiful _____ in this city.
a. apartments b. dishes c. mountains d. subjects
3. Luca: Excuse me, Alex. Do you live in a house?
Sarah: No, _____. I live in an apartment.
a. I doesn't b. I don't c. It is not d. I am not
4. Therea gym in my apartment.
a. is b. are c. have d. has
5. Shein an apartment.
a. live b. lives c. have d. has
6. Does your house have a balcony?
a. Yes, I am b. Yes, it does c. Yes, she is d. Yes, I do
7. Mary: What housework do you do?
Peter: I make.....
a. breakfast b. shopping c. dishes d. balcony
8. Let's It's so dirty.
a. make lunch b. make dinner c. clean the bathroom d. do the shopping
9. My fatherthe shopping.
a. cleans b. makes c. lives d. does
10. Where is Ho Chi Minh city? It's in theof Vietnam.
a. village b. city c. south d. town

HẾT

* Mục tiêu

Sau khi hoàn thành bài học học sinh sẽ biết hỏi và trả lời về môn học mà học sinh thích hoặc không thích ở trường.

Học sinh ghi vào cho cô nhé:

Tuesday, September 28th, 2021

UNIT 2: SCHOOL

Lesson 1 – p. 14

Học sinh ghi từ mới vào

Newwords / p.14

1. history (n): môn lịch sử
2. P.E (Physical Education) (n): môn thể dục
3. IT (Information Technology) (n): môn tin học
4. Music (n): môn nhạc
5. Geography (n): môn địa
6. Literature (n): môn văn
7. Physics (n): môn lý
8. Biology (n): môn sinh
9. subject (n): môn học
10. favorite (a): yêu thích

Học sinh đánh số tượng trưng cho môn học vào đúng tranh.

Học sinh luyện hỏi câu: Do you like *math* ? và trả lời Yes, I do hoặc No, I don't. (Thế từ *math* thành những từ chỉ môn học khác.)

Học sinh nghe nội dung bài nghe giữa bạn Adrian và bạn Sarah sau đó trả lời câu hỏi:

Who likes more school subjects?

Và điền thông tin vào bài tập b/p. 14

Nội dung bài nghe

Sarah: Hello, Adrian.

Adrian: Hi, Sarah.

Sarah: Is that your group's survey about school subjects?

Adrian: Yes, it is

Sarah: Cool. So, what subjects do you like?

Adrian: I like art. How about you?

Sarah: I like history, physics, and P.E.

Adrian: What subjects don't you like?

Sarah: I don't like geography. What subjects don't you like, Adrian?

Adrian: I don't like history, math, physics, and geography.

Sarah: Wow! You don't like a lot of subjects.

Adrian: Yeah, that's true. What's your favorite subject, Sarah?

Sarah: Mine's physics. What's yours?

Adrian: Mine's P.E.

Homework: Học sinh học thuộc các từ mới.

* Mục tiêu

Sau khi hoàn thành bài học học sinh sẽ biết hỏi và trả lời về hai hoặc nhiều môn học mà học sinh thích hoặc không thích ở trường.

Học sinh ghi vào cho cô nhé:

Tuesday, September 28th, 2021

UNIT 2: SCHOOL

Lesson 1 – p. 15

Học sinh ghi từ mới vào

Newwords / p.14

1. my + danh từ = mine (pron): của tôi
2. your + danh từ = yours (pron): của bạn
3. find – found (v): tìm thấy
4. see – saw (v): nhìn, thấy, xem

Học sinh luyện hỏi mẫu câu:

Bạn thích môn học gì ?

What subjects do you like?

I like biology, physics and literature.

Môn học yêu thích nhất của bạn là môn gì?

What is your favorite subject? = What's yours ?

My favorite subject is art.

= Mine is art.

Học sinh làm bài tập b/p.15. Khoanh tròn vào đáp án đúng. (Nhớ đọc gợi ý khi làm)

Ghi đáp án và gửi lại cho cô.

Học sinh làm tiếp bài tập c/p.15. Lưu ý quan sát biểu tượng mặt vui ta dùng từ like (thích), biểu tượng mặt buồn ta dùng từ don't like (không thích)

Lưu ý cách dùng liên từ AND (và), OR (hoặc, hay)

Ex: I like history, IT **and** physics.

I don't like math, biology, **or** music

- 2..... 3.....
4..... 5.....

*** Mục tiêu**

Sau khi hoàn thành bài học học sinh sẽ phân biệt được sự thay đổi âm thanh của các từ gạch chân.

Học sinh ghi vào cho cô nhé:

Thursday, September 30th, 2021

UNIT 2: SCHOOL

Lesson 1 – p. 16

Học sinh quan sát phần hướng dẫn ngữ điệu trong sách học sinh trang 16. (a/p.16)

Chú ý khi liệt kê ta sẽ lên giọng từ từ và cuối cùng xuống giọng.

Học sinh nghe băng và lưu ý ngữ điệu lên xuống. (b/p.16)

Học sinh thực hành mẫu câu hỏi:

What subjects do you like? Và trả lời theo biểu tượng khuôn mặt (like, don't like)

I like

I don't like

Học sinh làm bài tập sách workbook trang 8,9 và ghi kết quả ra giấy và gửi lại cho cô.

Newwords: / p.8

a. Sắp xếp chữ cái thành từ chỉ môn học (học sinh có thể xem lại Newwords ở tiết 10)

b. Học sinh sử dụng các từ trên điền vào đúng tranh chỉ môn học.

c. Học sinh chọn đáp án đúng cho mỗi câu. Lưu ý gợi ý.

Grammar / p.9

Học sinh quan sát bài đàm thoại giữa John và Irene, sử dụng từ gợi ý trong khung kế bên để điền vào chỗ trống trong bài đàm thoại

Writing/ p.9

Học sinh ghi câu trả lời cho ba câu hỏi về bản thân.

HỌC SINH HOÀN THÀNH BA BÀI TẬP TRÊN VÀ GỬI ĐÁP ÁN LẠI CHO GIÁO VIÊN.